

ĐỀ ÁN

Phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
giai đoạn 2026 - 2030

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH ĐỀ ÁN

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, trong đó tri thức đóng vai trò quyết định đối với sự phát triển kinh tế, tạo ra của cải vật chất và nâng cao chất lượng cuộc sống. Nhiều chủ trương, chính sách lớn đã được Đảng và Nhà nước ta ban hành, thúc đẩy giáo dục và đào tạo đổi mới, phát triển. Ngày 22/8/2025, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, trong đó đã xác định: *Đột phá phát triển giáo dục và đào tạo phải bắt đầu từ đổi mới tư duy, nhận thức và thể chế. Tạo đột phá về nguồn lực, động lực và không gian mới cho phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng; bảo đảm Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, lấy đầu tư công dẫn dắt, thu hút nguồn lực xã hội cho hiện đại hóa toàn diện hệ thống giáo dục quốc dân.*

Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Thủ tướng Chính phủ được ban hành tại Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 nêu rõ: *Phát triển giáo dục và đào tạo đóng vai trò động lực then chốt để phát triển đất nước. Đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư cho phát triển, cần được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Nhà nước ưu tiên đầu tư và thu hút các nguồn lực khác, tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia, đóng góp cho phát triển giáo dục.*

Từ ngày 01/7/2025, tỉnh Thái Nguyên mới được hình thành trên cơ sở hợp nhất tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Bắc Kạn. Hiện nay, tỉnh có diện tích tự nhiên trên 8.375 km², dân số gần 1,8 triệu người, qua đó mở rộng đáng kể không gian phát triển kinh tế - xã hội. Thái Nguyên là một trong ba trung tâm đào tạo nguồn nhân lực lớn của cả nước, giữ vai trò là trung tâm đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao khoa học, công nghệ của khu vực trung du và miền núi phía Bắc. Tỉnh là điểm đến của đông đảo học sinh, sinh viên và người lao động từ nhiều địa phương đến học tập, nghiên cứu và làm việc, góp phần khẳng định vị thế của Thái Nguyên là trung tâm giáo dục, khoa học quan trọng của vùng và của cả nước.

Trước yêu cầu phát triển giáo dục và đào tạo trong giai đoạn mới, việc ban hành **Đề án Phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030** là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng, nhằm huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong kỷ nguyên số; đồng thời xây dựng xã hội học tập, tạo điều kiện để mọi người dân được học tập thường xuyên, học tập suốt đời.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

- Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 10/7/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

- Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018.

- Luật Giáo dục ngày 14/6/2019.

- Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014.

- Luật Nhà giáo ngày 16/6/2025.

- Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hội nhập quốc tế.

- Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

- Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

- Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới.

- Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 về phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 về phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 về phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 27/02/2025 về phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 (số 01-NQ/ĐH ngày 23/9/2025) và Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 27/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030.

Phần thứ hai

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Những năm qua, công tác phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đạt nhiều kết quả tích cực. Mạng lưới trường, lớp các cấp học được củng cố; cơ sở vật chất tiếp tục được đầu tư. Tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 88,46% đáp ứng cơ bản nhu cầu học tập của con em Nhân dân các dân tộc trong tỉnh¹. Đến nay, tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh đạt 79,94%.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngành giáo dục được quan tâm phát triển, cơ bản bảo đảm về số lượng; chất lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ không ngừng được nâng lên; cơ cấu đội ngũ từng bước đồng bộ, đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác quản lý và hoạt động dạy học². Công tác chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo có tiến bộ rõ rệt. 100% cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh được kết nối Internet tốc độ cao; triển khai ứng dụng hiệu quả nhiều phần mềm như: Quản lý ngành giáo dục, các hệ thống quản lý nhà trường (*chữ ký số chuyên dùng, quản lý văn bản điện tử, SMAS, VNEDU, quản lý tuyển sinh đầu cấp, học bạ điện tử, quản lý bán trú...*).

Giai đoạn 2021-2025, tỉnh Thái Nguyên tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2, xóa mù chữ mức độ 2. Công tác giáo dục đạo đức, lý tưởng cách mạng cho học sinh, sinh viên được coi trọng; thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục các cấp học. Đến năm 2025, các chỉ tiêu chất lượng giáo dục toàn diện, mũi nhọn đều đạt và vượt kế hoạch.

(Kết quả thực hiện các chỉ tiêu giai đoạn 2021-2025 được thể hiện tại Phụ lục I).

¹ Toàn tỉnh hiện có 975 cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, trung tâm giáo dục, trong đó gồm: 351 trường mầm non, 263 trường tiểu học, 287 trường trung học cơ sở, 51 trường trung học phổ thông; 15 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, 02 trung tâm giáo dục thường xuyên; 06 trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (02 trung tâm công lập và 04 trung tâm ngoài công lập).

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Có 09 trường cao đẳng (08 trường thuộc các bộ, ngành, 01 trường thuộc tỉnh), 08 trường trung cấp (07 trường tư thục; 01 trường thuộc bộ, ngành); 02 trung tâm GDNN tư thục.

Đại học Thái Nguyên là một trong ba Đại học vùng của cả nước hiện có 3.700 viên chức, người lao động, trong đó có 2.480 giảng viên, với trên 41% giảng viên có trình độ tiến sĩ (với hơn 1.000 tiến sĩ); đội ngũ giáo sư, phó giáo sư chiếm 7,6% (gần 200 giáo sư, phó giáo sư). Chất lượng nhân lực giảng dạy không ngừng tăng lên mỗi năm, phản ánh cam kết nâng cao chất lượng đào tạo của đại học.

² Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập là 30.083 người, trong đó: biên chế có 26.517 người, hợp đồng theo Nghị định số 111 có 2.466 người, hợp đồng theo định mức khoán có 1.100 người. Tỷ lệ giáo viên và cán bộ quản lý đạt chuẩn trình độ đào tạo là 98,5%, trong đó có 36% đạt trên chuẩn.

Tuy nhiên, cơ sở vật chất nhiều cơ sở giáo dục xuống cấp, thiếu đồng bộ; hệ thống phòng học, phòng chức năng, công trình phụ trợ và thiết bị dạy học tại nhiều trường chưa đạt chuẩn, đặc biệt là ở các khu vực khó khăn. Đội ngũ giáo viên, nhân viên còn thiếu về số lượng, cơ cấu giáo viên chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn; trên địa bàn tỉnh hiện chưa có cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chất lượng cao.

Nguyên nhân là do nguồn lực đầu tư dành cho ngành giáo dục và đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu; chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục chưa thực sự phù hợp, chưa tạo được động lực lâu dài. Bên cạnh đó, năng lực của một bộ phận nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới hiện nay, nhất là về ngoại ngữ và tin học. Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp còn phân bố chưa hợp lý giữa các ngành, nghề, trình độ đào tạo, chưa đáp ứng tốt nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và thị trường lao động của địa phương.

Phần thứ ba

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đổi mới công tác quản lý, quản trị nhà trường; phát triển mạng lưới, quy mô trường, lớp một cách hợp lý gắn với việc nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ I nhiệm kỳ 2025 - 2030; tạo chuyển biến căn bản về chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh, góp phần hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2030.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non mới, Chương trình giáo dục phổ thông, Chương trình giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học. Củng cố vững chắc và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục các cấp học và trường chuẩn quốc gia; hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi và giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở. Phát triển giáo dục vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Đẩy mạnh xã hội hóa trong phát triển giáo dục và đào tạo; khuyến khích đầu tư xây dựng và phát triển các trường mầm non, phổ thông ngoài công lập; khuyến khích doanh nghiệp thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

2.1. Mạng lưới cơ sở giáo dục

Tổng số cơ sở giáo dục của cấp học mầm non, phổ thông trên địa bàn tỉnh từ 975 đến 1.006 cơ sở, trong đó:

a) Số trường mầm non từ 351 đến 365 trường

- Trường mầm non công lập khoảng 322 - 325 trường.
- Trường mầm non ngoài công lập khoảng 29 - 40 trường.

b) Số trường phổ thông từ 601 đến 617 trường

- Cấp tiểu học khoảng 263 - 265 trường.
- Cấp trung học cơ sở khoảng 287 - 290 trường (*212 - 214 trường THCS; 75 - 76 trường TH và THCS*).

- Cấp trung học phổ thông khoảng 51 - 62 trường gồm: 01 trường TH, THCS và THPT; 04 trường THCS và THPT; 43 trường THPT; 03 trường THPT trực thuộc các đơn vị trung ương đóng trên địa bàn: (1) Trường THPT Thái Nguyên thuộc Trường ĐH Sư phạm Thái Nguyên; (2) Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo; (3) Trường Văn hóa I thuộc Bộ Công an.

Số trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú khoảng 70 - 72 trường (*tăng 10 - 12 trường do thành lập mới hoặc chuyển đổi mô hình trường*); mỗi xã đặc biệt khó khăn có ít nhất 01 trường phổ thông nội trú hoặc bán trú.

c) Số trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên giảm từ 17 trung tâm còn khoảng 10 - 12 trung tâm.

d) Số trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tăng từ 06 trung tâm lên khoảng 10 - 12 trung tâm.

2.2. Chất lượng giáo dục và đào tạo

a) Giáo dục mầm non

- Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ (dưới 3 tuổi) đến trường đạt 40%.

- Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo (từ 3-5 tuổi) đến trường đạt 97,5%.

- Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đến trường đạt 100%.

- Tỷ lệ trẻ em mầm non đến trường được học 2 buổi/ngày đạt 100%.

- Tỷ lệ trường mầm non đạt chuẩn quốc gia đạt từ 82% trở lên.

b) Giáo dục phổ thông

- Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 99,9%.
- Tỷ lệ trẻ trong độ tuổi (6-10 tuổi) đến trường đạt 99,6%.
- Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp tiểu học đạt 98,5%.
- Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp trung học cơ sở đạt 99,9%.
- Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp trung học phổ thông đạt 98%.
- Tỷ lệ tuyển sinh lớp 10 (giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên) hằng năm đạt 95%.
- Tỷ lệ trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia đạt từ 82% trở lên.
- Tỉnh Thái Nguyên có Trường THPT Chuyên thuộc nhóm 15 trường THPT Chuyên hàng đầu (có số học sinh đoạt giải quốc gia cao).
- Tỷ lệ trẻ khuyết tật trong độ tuổi có khả năng học tập được đi học ở các lớp chuyên biệt và hòa nhập đạt trên 90%.
- Tỷ lệ người biết chữ mức độ 1 trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt 98,5%.
- Tỷ lệ các đơn vị cấp xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 đạt 100%.

c) Giáo dục nghề nghiệp

- Phần đầu xây dựng Trường Cao đẳng Thái Nguyên đạt chuẩn quốc gia, tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4.
- Xây dựng các trường trung học nghề theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông đạt 65%.
- Tỷ lệ người lao động có trình độ cao đẳng, đại học trở lên đạt 25%.

d) Giáo dục đại học

- Tỷ lệ sinh viên đại học trong nhóm độ tuổi từ 18 - 22 đạt ít nhất 33%.
- Số sinh viên đại học/vạn dân đạt ít nhất 350 sinh viên/vạn dân.
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục đại học đạt tiêu chuẩn chất lượng theo các chu kỳ kiểm định phù hợp đạt 100%.
- Đại học Thái Nguyên thuộc nhóm 500 trường Đại học hàng đầu châu Á (theo Bảng xếp hạng QS).

2.3 Các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo

a) Xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý

- Tỷ lệ cán bộ quản lý và giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo đạt 100%.

- Tỷ lệ cán bộ quản lý và giáo viên đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo:

+ Cấp mầm non đạt 86,5%;

+ Cấp tiểu học đạt 2,0%;

+ Cấp trung học cơ sở đạt 9,0%;

+ Cấp trung học phổ thông đạt 40%;

+ Giáo dục thường xuyên đạt 22,3%.

- Tỷ lệ giáo viên dạy tiếng Anh đạt chuẩn về năng lực ngoại ngữ đạt 100%.

b) Cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục

- Bảo đảm hệ thống cơ sở vật chất giáo dục của tỉnh đạt chuẩn, tiến tới hiện đại, thân thiện, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở vật chất các trường mầm non, phổ thông và các trung tâm; phấn đấu có 100% phòng học kiên cố ở các cấp học.

- Trang bị đầy đủ thiết bị dạy học tối thiểu ở từng cấp học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên, đảm bảo điều kiện học tập suốt đời cho người dân.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường phổ thông dân tộc nội trú và bán trú. Nâng cấp mở rộng quy mô, hình thành trường liên cấp đối với các trường phổ thông dân tộc nội trú.

- Phấn đấu 100% các xã đặc biệt khó khăn đều có trường phổ thông dân tộc nội trú hoặc bán trú.

(Phụ lục I: Các chỉ tiêu chủ yếu của Đề án giai đoạn 2026-2030).

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Rà soát, bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách về giáo dục và đào tạo

- Triển khai đồng bộ, hiệu quả Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 20/10/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; các văn bản về thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Tiếp tục rà soát, đề xuất bổ sung, sửa đổi các văn bản liên quan đến phát triển giáo dục và đào tạo khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, góp phần xây dựng hành lang pháp lý đầy đủ, hoàn thiện hệ thống chính sách cho đổi mới quản lý, phát triển giáo dục và đào tạo.

- Triển khai các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ phát triển giáo dục và đào tạo sau sáp nhập tỉnh, đảm bảo các chính sách được thực hiện đầy đủ, kịp thời.

- Nghiên cứu xây dựng chính sách đột phá, vượt trội cho phát triển giáo dục và đào tạo; thu hút chuyên gia, trọng dụng nhân tài đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo lợi thế thu hút đầu tư mới cho tỉnh.

2. Đổi mới quản lý giáo dục, quản trị nhà trường

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý giáo dục các cấp, đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ, liên thông trong quản lý nhà nước từ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông đến giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp.

- Sắp xếp, kiện toàn hệ thống các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp theo đúng hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm phù hợp với quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đến năm 2030. Phát triển giáo dục theo hướng hài hòa giữa công lập và ngoài công lập, giữa các vùng, miền; trong đó ưu tiên đầu tư, hỗ trợ các vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa và các đối tượng chính sách.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong giáo dục và đào tạo; tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn với nâng cao trách nhiệm giải trình, phát huy dân chủ của các cơ sở giáo dục; bảo đảm sự tham gia của người học, gia đình và xã hội trong giám sát các cơ sở giáo dục.

- Tăng cường thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý giáo dục và quản trị nhà trường; hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu của lĩnh vực giáo dục và đào tạo để kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu từ trung ương đến địa phương, nhà trường và đồng bộ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.

3. Nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên

- Xây dựng và triển khai Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030; Đề án Dạy và học ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các hoạt động giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và văn hóa ứng xử cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục; triển khai các chương trình nâng cao dinh dưỡng học đường và phát triển thể chất trong các cơ sở giáo dục; đào tạo và phát triển kỹ năng mềm cho thanh niên, học sinh trong các cơ sở giáo dục.

- Thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông hướng đến phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực từng cá nhân người học. Đẩy mạnh giáo dục STEM/STEAM trong chương trình giáo dục phổ thông.

- Tiếp tục triển khai Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030, tạo điều kiện để mọi người dân được học tập thường xuyên, học tập suốt đời, tận dụng mọi cơ hội học tập để trở thành công dân số, công dân học tập toàn cầu.

4. Hiện đại hóa giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, tạo đột phá trong đào tạo nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao

- Triển khai việc sắp xếp, tái cấu trúc các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc của Đại học Thái Nguyên theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm nâng cao hiệu quả quản trị đại học. Duy trì, phát triển và mở rộng không gian phát triển của Đại học Thái Nguyên phù hợp với khu vực trung du miền núi phía Bắc, từng bước xây dựng mô hình đại học số, đại học xanh, trung tâm đổi mới sáng tạo, phát triển tài nguyên giáo dục mở gắn với mô hình đại học thông minh, phát triển bền vững.

- Mở rộng quy mô đào tạo hợp lý, phù hợp với tiêu chuẩn giáo dục đại học; tạo bước chuyển biến căn bản về chất lượng và đào tạo, khoa học và công nghệ, đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế. Tập trung nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao một số ngành, nghề trọng điểm của tỉnh.

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 10/7/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

5. Bảo đảm công bằng trong cơ hội tiếp cận giáo dục có chất lượng cho người học

- Triển khai có hiệu quả các nội dung về phát triển giáo dục và đào tạo trong các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030.

- Triển khai xây dựng mới các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú cấp tiểu học, trung học cơ sở tại các xã đặc biệt khó khăn; xây dựng, cải tạo, nâng quy mô các trường phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông; phấn đấu đến năm 2030 mỗi xã đặc biệt khó khăn đều có trường phổ thông dân tộc nội trú hoặc bán trú.

- Tăng cường nguồn ngân sách nhà nước đầu tư để thực hiện phổ cập giáo dục; thực hiện đầy đủ chính sách hỗ trợ giáo dục ở vùng đặc biệt khó khăn, người học được hưởng các chính sách xã hội; giảm tỷ lệ mù chữ ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số; hỗ trợ giáo dục năng khiếu và tài năng.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục của các trường chuyên biệt, bảo đảm quyền được tiếp cận giáo dục có chất lượng cho người khuyết tật, tạo cơ hội học tập công bằng cho mọi người. Thực hiện linh hoạt các chương trình giáo dục phù hợp với điều kiện học tập của người học; gắn nội dung, chương trình giáo dục và đào tạo với điều kiện thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, đặc điểm văn hóa của địa phương.

6. Phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục

- Xây dựng và triển khai Đề án Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.

- Triển khai thực hiện đầy đủ các chính sách đối với nhà giáo theo quy định của Luật Nhà giáo; bảo vệ danh dự, uy tín và quyền lợi của nhà giáo. Nâng cao tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương, đạo đức nghề nghiệp, tác phong của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục.

- Thực hiện tốt công tác quản lý biên chế, tuyển dụng giáo viên; bảo đảm số lượng và chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới, Chương trình giáo dục phổ thông, Chương trình giáo dục thường xuyên, Chương trình giáo dục nghề nghiệp.

- Phối hợp với các cơ sở giáo dục đại học tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên của các cấp học. Chuẩn hóa chuyên môn, nghiệp vụ đội ngũ nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập; bảo đảm mặt bằng chung về chất lượng đội ngũ, tạo cơ hội công bằng cho sự thăng tiến, phát triển nghề nghiệp của nhà giáo ở tất cả loại hình cơ sở giáo dục.

7. Bảo đảm nguồn lực tài chính, huy động các nguồn lực đầu tư để tăng cường cơ sở vật chất cho phát triển giáo dục và đào tạo

- Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án Bảo đảm cơ sở vật chất cho các trường mầm non, phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý giai đoạn 2026 - 2030.

- Tiếp tục thực hiện chương trình kiên cố hóa lớp học, đầu tư xây dựng phòng học để thay thế các phòng học bán kiên cố, phòng học nhờ, mượn. Thực hiện tốt quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp; đồng thời ưu tiên bố trí quỹ đất cho giáo dục tại các khu, cụm công nghiệp và khu vực đông dân cư, bảo đảm phát triển hệ thống cơ sở giáo dục đồng bộ, bền vững và phù hợp với tốc độ đô thị hóa.

- Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, huy động đa dạng các nguồn lực cho phát triển giáo dục và đào tạo. Thực hiện lồng ghép hiệu quả các nguồn vốn của trung ương, địa phương và các tổ chức, cá nhân trong xã hội để từng bước chuẩn hóa và hiện đại hóa cơ sở vật chất các cơ sở giáo dục. Đầu tư xây dựng bảo đảm đủ phòng học, phòng chức năng, trang thiết bị dạy học ở tất cả các cấp học, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy, phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, hợp tác công - tư nhằm huy động và sử dụng hiệu quả nhiều nguồn lực cho phát triển giáo dục và đào tạo. Tăng cường cơ chế hợp tác giữa nhà trường, chính quyền và doanh nghiệp trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh, sinh viên. Bảo đảm chính sách bình đẳng đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập và ngoài công lập.

8. Tăng cường hội nhập, hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo

- Nâng cao chất lượng dạy và học môn ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

- Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong dạy và học ngoại ngữ; nghiên cứu, tham khảo các mô hình đào tạo chất lượng cao thông qua học tập kinh nghiệm từ chương trình đào tạo của các nước tiên tiến; chủ động hội nhập, tiếp thu kinh nghiệm quốc tế về giáo dục và đào tạo; tăng cường mô hình kết nghĩa giữa các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp của tỉnh và các trường ở nước ngoài.

- Tăng cường trao đổi thông tin, kinh nghiệm, hợp tác đào tạo, chuyên gia, nhà giáo, người học với các nước trong khu vực và các nước phát triển; kiến tạo môi trường làm việc quốc tế, hợp tác nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục; khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục ngoài công lập có vốn đầu tư nước ngoài.

Phần thứ tư TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Đề án thực hiện trong 05 năm (*từ năm 2026 đến năm 2030*). Sơ kết thực hiện Đề án vào năm 2028, tổng kết thực hiện Đề án vào năm 2030.

II. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

1. Tổng ngân sách dự kiến: 6.574.810 triệu đồng (*Sáu nghìn năm trăm bảy mươi tư tỷ, tám trăm mười triệu đồng*), trong đó:

- Vốn đầu tư công dự kiến: 5.130.250 triệu đồng (gồm ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương đã bao gồm vốn Chương trình mục tiêu quốc gia).
- Vốn sự nghiệp dự kiến: 1.309.560 triệu đồng (ngân sách địa phương).
- Vốn huy động khác: 135.000 triệu đồng.

2. Nguồn vốn

- Vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương: Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030; nguồn vốn hỗ trợ thực hiện các đề án, các chương trình, dự án khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Vốn ngân sách địa phương:

+ Ngân sách cấp tỉnh: Lồng ghép các chương trình, đề án, chương trình mục tiêu quốc gia do ngân sách địa phương cân đối; nguồn vốn đầu tư phát triển; nguồn chi thường xuyên.

+ Ngân sách cấp xã: Các nguồn vốn theo phân cấp quản lý.

- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

(Phụ lục II: Kinh phí đảm bảo thực hiện Đề án kèm theo).

III. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, thống nhất việc triển khai Đề án trên phạm vi toàn tỉnh; ban hành kế hoạch tổ chức triển khai Đề án; thường xuyên đôn đốc, giám sát, xem xét, cho ý kiến chỉ đạo đối với những nội dung, vấn đề quan trọng, phát sinh trong quá trình thực hiện Đề án.

2. Các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy quán triệt và phổ biến Đề án này đến toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân; căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch triển khai cụ thể, chi tiết, tổ chức thực hiện Đề án bảo đảm đúng mục tiêu, yêu cầu và phù hợp với điều kiện thực tế; chủ động huy động, lồng ghép các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, nguồn tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác để bảo đảm nguồn lực thực hiện Đề án theo tiến độ đề ra.

3. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, quán triệt đầy đủ, nghiêm túc nội dung Đề án đến các chi, đảng bộ, đảng viên và Nhân dân; chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí tổ chức tuyên truyền thường xuyên, liên tục, có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm thống nhất về nội dung và hiệu quả trong triển khai thực hiện Đề án.

4. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Đề án; cụ thể hóa Đề án thành các chương trình, kế hoạch (*dài hạn, trung hạn và hằng năm*); xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể, lộ trình thực hiện, phân công trách nhiệm và bảo đảm nguồn lực để triển khai Đề án đạt hiệu quả; chịu trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Đề án trong toàn tỉnh đảm bảo đạt hiệu quả bằng các số liệu cụ thể.

Chủ động tham mưu ban hành kế hoạch hằng năm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Đề án trước ngày 20/12 của năm liền trước. Định kỳ hằng quý, 6 tháng, hằng năm, giữa và cuối nhiệm kỳ, chỉ đạo tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; chủ động đề xuất, bổ sung điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Đề án cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ thực tế, đảm bảo hoàn thành thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ của Đề án.

5. Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh lãnh đạo Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong triển khai thực hiện Đề án. Lãnh đạo Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc tỉnh chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân tham gia tích cực, có trách nhiệm trong thực hiện các nội dung của Đề án; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng cơ chế, chính sách về phát triển giáo dục và đào tạo.

6. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy theo chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp với Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc triển khai thực hiện Đề án; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (B/c),
- Các Ban xây dựng Đảng Trung ương; Văn phòng Trung ương Đảng (B/c),
- Đảng bộ Chính phủ (B/c),
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy,
- Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh,
- Đảng ủy MTTQ tỉnh,
- Hội đồng nhân dân tỉnh,
- Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Ủy ban MTTQ tỉnh; các sở, ban, ngành cấp tỉnh,
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

P.TH/220

**T/M BAN CHẤP HÀNH
BÍ THƯ**

Trịnh Xuân Trường

Phụ lục I
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

*(Kèm theo Đề án số 16-ĐA/TU ngày 10 tháng 12 năm 2025
của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Mục tiêu	Kết quả giai đoạn 2021-2025	Mục tiêu giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
I	MẠNG LƯỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC			
1	Tổng số cơ sở giáo dục	975 cơ sở	975 - 1.006 cơ sở	
2	Số lượng trường mầm non	351 trường	351 - 365 trường	Phát triển các trường mầm non ngoài công lập.
3	Số lượng trường phổ thông, trong đó:	601 trường	601 - 617 trường	Xây dựng 11 trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú <i>(thành lập mới và chuyển đổi)</i> ; phát triển các trường phổ thông ngoài công lập.
	Cấp tiểu học	263 trường	263 - 265 trường	
	Cấp trung học cơ sở	287 trường	287 - 290 trường	212 - 214 trường THCS; 75 - 76 trường TH và THCS.
	Cấp trung học phổ thông	51 trường	51 - 62 trường	01 trường TH, THCS và THPT; 04 trường THCS và THPT; 43 trường THPT; 03 trường THPT trực thuộc các đơn vị trung ương đóng trên địa bàn.

STT	Mục tiêu	Kết quả giai đoạn 2021-2025	Mục tiêu giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
4	Số trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên	17 trung tâm	10 - 12 trung tâm	Tiếp tục sáp nhập các trung tâm theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
5	Số trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập	06 trung tâm	06 - 12 trung tâm	Phát triển các trung tâm ngoài công lập.
6	Số trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú	60 trường	70 - 72 trường	Tăng 10 - 12 trường (<i>thành lập mới và chuyển đổi</i>)
II	CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			
	Giáo dục mầm non			
7	Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ (dưới 3 tuổi) đến trường	38,2%	40%	
8	Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo (từ 3-5 tuổi) đến trường	97,0%	97,5%	
9	Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đến trường	100%	100%	
10	Tỷ lệ trẻ em mầm non đến trường được học 02 buổi/ngày	100%	100%	
11	Tỷ lệ trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	79,8%	82% trở lên	
	Giáo dục phổ thông			
12	Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1	99,6%	99,9%	
13	Tỷ lệ trẻ trong độ tuổi (6-10 tuổi) đến trường	99,6%	99,6%	
14	Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp tiểu học	98,5%	98,5%	

STT	Mục tiêu	Kết quả giai đoạn 2021-2025	Mục tiêu giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
15	Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp trung học cơ sở	99,9%	99,9%	
16	Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp trung học phổ thông	98%	98%	
17	Tỷ lệ tuyển sinh lớp 10 (giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên) hằng năm	94,5%	95%	
18	Tỷ lệ trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia	80,03%	82% trở lên	
19	Tỉnh Thái Nguyên có Trường THPT Chuyên thuộc nhóm 15 trường THPT Chuyên hàng đầu (có số học sinh đoạt giải quốc gia cao).	-	Trong nhóm 15	
20	Tỷ lệ trẻ khuyết tật trong độ tuổi có khả năng học tập được đi học ở các lớp chuyên biệt và hòa nhập	89,8%	> 90%	
21	Tỷ lệ người biết chữ mức độ 1 trong độ tuổi từ 15 - 60	98%	98,5%	
22	Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	<ul style="list-style-type: none"> - Đạt phổ cập GDMN trẻ 5 tuổi. - Đạt phổ cập GDTH mức độ 3; phổ cập GDTHCS mức độ 2. - Đạt xóa mù chữ mức độ 2. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi. - Đạt phổ cập GDTH mức độ 3; phổ cập GDTHCS mức độ 3. - Đạt xóa mù chữ mức độ 2. 	

STT	Mục tiêu	Kết quả giai đoạn 2021-2025	Mục tiêu giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
	Giáo dục nghề nghiệp			
23	Số trường Cao đẳng đạt chuẩn quốc gia, tiếp cận trình độ ASEAN-4	-	01 trường	
24	Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông	63%	65%	
25	Tỷ lệ người lao động có trình độ cao đẳng, đại học trở lên	22,7%	25%	
	Giáo dục đại học			
26	Tỷ lệ sinh viên đại học trong nhóm độ tuổi từ 18 - 22	30,5%	> =33%	
27	Số sinh viên đại học/vạn dân	318 sinh viên/vạn dân	350 sinh viên/vạn dân	
28	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục đại học đạt tiêu chuẩn chất lượng theo các chu kỳ kiểm định phù hợp	100%	100%	
29	Đại học Thái Nguyên thuộc nhóm các trường Đại học hàng đầu Châu Á (theo Bảng xếp hạng QS)	-	Thuộc nhóm 500	
III	ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			
30	Tỷ lệ cán bộ quản lý và giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo	98,5%	100%	
31	Tỷ lệ cán bộ quản lý và giáo viên đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo, trong đó:			

STT	Mục tiêu	Kết quả giai đoạn 2021-2025	Mục tiêu giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
	Cấp mầm non	86%	86,5%	
	Cấp tiểu học	1,4%	2,0%	
	Cấp trung học cơ sở	8,6%	9,0%	
	Cấp trung học phổ thông	39,5%	40%	
	Giáo dục thường xuyên	21,8%	22,3%	
32	Tỷ lệ giáo viên dạy tiếng Anh đạt chuẩn về năng lực ngoại ngữ			
	Cấp tiểu học	94%	100%	
	Cấp trung học cơ sở	91,5%	100%	
	Cấp trung học phổ thông	93,5%	100%	

Phụ lục II
KINH PHÍ ĐẢM BẢO THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Đề án số 16-ĐA/TU ngày 10 tháng 12 năm 2025
của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	CÁC ĐỀ ÁN TRỌNG TÂM	KINH PHÍ THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	Đề án Bảo đảm cơ sở vật chất cho các trường mầm non, phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý giai đoạn 2026 - 2030.	6.345.770	Đã bao gồm kinh phí về CSVC thực hiện Đề án phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 - 5 tuổi; CSVC thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục...
2	Đề án Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.	164.000	Đã bao gồm kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, nhà giáo để phổ cập giáo dục mầm non và nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ.
3	Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.		Kinh phí thực hiện đã được bố trí trong Đề án Bảo đảm CSVC và Đề án Đào tạo bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục...
4	Đề án Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.	65.040	Kinh phí hỗ trợ giảng dạy tiếng Anh lớp 1, lớp 2 và kinh phí hỗ trợ học sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.
TỔNG CỘNG		6.574.810	
Bảng chữ: Sáu nghìn năm trăm bảy mươi tư tỷ, tám trăm mười triệu đồng./.			